

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **270** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **24**-tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất
đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BNTMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch,
kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản
đồ hiện trạng sử dụng đất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
46/TTr-STNMT ngày 23 tháng 02 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2021

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu %	Phân theo đơn vị hành chính (ha)							
				Phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Trung	Xã Đắk Rmôan	Phường Quang Thành	Xã Đắk Nia
(1)	(2)	(3)=(5)+...+(12)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng diện tích tự nhiên	28.410,67	100,00	1.702,78	310,50	1.288,14	1.858,29	1.226,02	4.912,44	7.760,56	9.351,93
1	Đất nông nghiệp	21.860,32	6,94	474,96	45,24	657,36	1.168,01	555,97	3.886,72	7.285,35	7.786,70
1.1	Đất trồng lúa	51,51	0,18	-	-	-	-	-	-	-	51,51
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	1.403,11	4,94	3,51	8,61	8,55	67,38	54,62	74,83	468,96	716,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	18.418,41	64,83	435,89	34,01	626,41	1.019,26	460,15	3.585,37	6.011,99	6.245,34
1.4	Đất rừng phòng hộ	828,48	2,92	-	-	11,71	18,64	-	107,96	690,17	-
1.5	Đất rừng sản xuất	318,01	1,12	-	0,30	-	17,29	-	4,67	32,64	263,11
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	503,13	1,77	2,05	2,33	8,51	41,99	36,76	103,90	76,91	200,69
1.7	Đất nông nghiệp khác	337,67	1,19	3,50	-	2,18	3,45	4,45	9,98	4,69	309,42
2	Đất phi nông nghiệp	6.540,26	23,02	1.227,83	265,26	630,78	690,28	670,04	1.025,72	465,12	1.565,23
2.1	Đất quốc phòng	51,19	0,18	11,90	-	14,47	14,23	1,74	5,24	-	3,61
2.2	Đất an ninh	92,54	0,33	49,13	0,51	28,24	9,60	0,24	0,60	0,50	3,72
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	189,32	0,67	22,24	4,49	9,82	13,31	11,99	121,49	1,25	4,72
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	114,84	0,40	4,00	0,52	0,80	2,28	1,75	-	-	105,48
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.443,84	8,60	196,86	130,08	398,62	397,31	196,17	593,25	155,80	375,76



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu %	Phân theo đơn vị hành chính (ha)							
				Phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Trung	Xã Đắk R'moan	Phường Quảng Thành	Xã Đắk N'ia
(1)	(2)	(3)=(5)+...+(12)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
-	Đất giao thông	852,41	3,00	98,66	66,62	114,79	128,13	84,24	76,24	112,82	170,92
-	Đất thủy lợi	314,04	1,11	73,99	50,27	0,37	8,37	38,82	18,96	2,79	120,47
-	Đất công trình năng lượng	1.071,88	3,77	0,04	-	269,16	214,81	0,84	488,05	26,30	72,67
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	2,68	0,01	0,04	0,45	0,08	0,57	1,04	0,14	0,12	0,25
-	Đất cơ sở văn hóa	13,03	0,05	10,34	-	-	1,28	0,22	-	-	1,20
-	Đất cơ sở y tế	18,53	0,07	1,32	0,42	0,18	0,09	15,01	0,51	0,79	0,22
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	129,18	0,45	6,30	9,64	13,78	23,18	45,91	9,35	12,97	8,04
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	22,70	0,08	6,18	0,09	0,26	13,78	2,40	-	-	-
-	Đất chợ	19,40	0,07	-	2,60	-	7,10	7,70	-	-	2,00
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	4,91	0,02	-	-	-	-	-	-	-	4,91
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	426,31	1,50	-	-	-	-	-	-	-	426,31
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	7,90	0,03	-	-	-	-	-	-	-	7,90
2.9	Đất ở tại nông thôn	210,18	0,74	-	-	-	-	-	70,67	-	139,51
2.10	Đất ở tại đô thị	1.703,94	6,00	900,93	85,52	134,75	150,36	63,43	-	68,96	-
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	85,60	0,30	18,25	1,62	1,50	28,60	33,47	0,52	0,64	1,00
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	7,20	0,03	0,54	-	0,34	5,45	0,86	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu %	Phân theo đơn vị hành chính (ha)							
				Phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Trung	Xã Đăk R'moan	Phường Quang Thành	Xã Đăk N'ia
(1)	(2)	(3)=(5)+...+(12)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	10,67	0,04	2,26	0,81	0,66	1,27	-	2,42	0,24	3,01
2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	35,24	0,12	-	4,94	-	2,82	3,52	7,78	-	16,18
2.15	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	201,48	0,71	-	-	8,38	-	-	53,62	1,98	137,49
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,33	0,02	0,42	0,38	0,39	0,26	0,35	1,17	2,49	0,86
2.17	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	57,41	0,20	7,94	32,35	-	1,37	14,07	-	1,14	0,53
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,18	0,00	-	-	-	-	-	0,18	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	820,59	2,89	11,64	0,30	27,48	54,64	26,95	168,78	220,96	309,85
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	63,47	0,22	1,71	3,68	5,32	3,91	15,51	-	8,96	24,39
2.21	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	7,14	0,03	-	0,05	-	4,87	-	-	2,22	-
3	Đất chưa sử dụng	10,08	0,04	-	-	-	-	-	-	10,08	-

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính (ha)							
			Phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Trung	Xã Đắk R'Moan	Phường Quảng Thành	Xã Đắk Nia
(1)	(2)	(3)=(5)+...+(11)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	2.045,47	828,68	70,65	130,46	118,64	281,22	131,10	25,33	459,38
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	223,90	-	6,00	1,85	-	-	-	1,05	215,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm	1.821,57	828,68	64,65	128,61	118,64	281,22	131,10	24,28	244,38
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	166,01	3,50	-	2,18	3,45	4,45	6,02	4,11	142,30
2.1	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	166,01	3,50	-	2,18	3,45	4,45	6,02	4,11	142,30

3. Kế hoạch thu hồi đất năm 2021

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)							
			Phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Trung	Xã Đắk R'Moan	Phường Quảng Thành	Xã Đắk Nia
(1)	(2)	(3)=(5)+...+(11)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đất nông nghiệp	2.211,48	832,18	70,65	132,64	122,09	285,67	137,12	29,44	601,68
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	223,90	-	6,00	1,85	-	-	-	1,05	215,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)							
			Phường Nghĩa Đức	Phường Nghĩa Thành	Phường Nghĩa Phú	Phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Trung	Xã Đák R'Moan	Phường Quảng Thành	Xã Đák Nía
(1)	(2)	(3) = (5) + ... + (11)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.2	Đất trồng cây lâu năm	1.987,58	832,18	64,65	130,79	122,09	285,67	137,12	28,39	386,68
2	Đất phi nông nghiệp	0,16	-	-	0,06	-	-	-	0,10	-
2.1	Đất ở tại đô thị	0,16	-	-	0,06	-	-	-	0,10	-

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021

Trong năm Kế hoạch sử dụng đất 2021, trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa không thực hiện đưa chỉ tiêu đất chưa sử dụng vào sử dụng.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND thành phố Gia Nghĩa có trách nhiệm:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đối với những trường hợp không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- UBND thành phố Gia Nghĩa chịu trách nhiệm về việc xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và sự phù hợp của vị trí các công trình, dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 với các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan. Việc thực hiện các dự án thuộc trường hợp thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng phải được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT. Thành ủy Gia Nghĩa;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CTTĐT, KTN(LVT).

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên